

Số: 32 /2017/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 733/TTr-SNV ngày 02 tháng 10 năm 2017,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch các hội có tính chất đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP và CVCK;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, D100b

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cầm Ngọc Minh**

## QUY ĐỊNH

**Tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

1. Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành, Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và tổ chức hội đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các ban quản lý (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập) và tổ chức hội đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan (sau đây gọi chung là hội).

3. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Mục đích đánh giá**

1. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội được tổ chức định kỳ hàng năm trên cơ sở các tiêu chí tại Quy định này, bảo đảm tính kịp thời, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng tình hình hoạt động chỉ đạo, điều hành, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý hành chính nhà nước. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo qui định của pháp luật. Đồng thời, xác định kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm.

### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá**

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được giao trong thực tiễn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội là một nội dung quan trọng của công tác quản lý Nhà nước và công tác tổ chức chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Khi tiến hành đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị, đồng thời kiểm điểm làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội là việc làm thường xuyên hàng năm nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước.

## **Chương II**

### **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI**

#### **Điều 4. Tiêu chí đánh giá và chấm điểm**

1. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các sở (theo Phụ lục 1, kèm theo Quy định này).

2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện (theo Phụ lục 2, kèm theo Quy định này).

3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Phụ lục 3, kèm theo Quy định này).

4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với hội (theo Phụ lục 4, kèm theo Quy định này).

### **Điều 5. Phương pháp chấm điểm**

1. Thang điểm chấm là 90.

Căn cứ vào quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập và hội đối chiếu kết quả công việc của cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành, mức độ thực hiện để tự chấm điểm cho từng công việc.

1.1. Trường hợp cơ quan, đơn vị hoàn thành 100% các nhiệm vụ và hoàn thành các chỉ tiêu: Kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chỉ tiêu kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt đối chiếu với tiêu chí ban hành kèm theo Điều 4, Chương II, Quyết định này, thì chấm điểm tối đa là 90 điểm.

1.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị không triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, phục vụ của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao thì không được tính điểm.

2. Điểm cộng (điểm thưởng)

2.1. Đối với sở

- Căn cứ vào kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm trước liền kề được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xếp từ thứ 1-3 được cộng 3 điểm; xếp từ thứ 4-5 được cộng 1 điểm).

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng đạt cờ thi đua của năm trước liền kề (3 điểm).

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (tối đa không quá 4 điểm).

2.2. Đối với UBND cấp huyện

- Căn cứ vào kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm trước liền kề được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xếp từ thứ 1-3 được cộng 3 điểm; xếp từ thứ 4-5 được cộng 1 điểm).

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng đạt cờ thi đua của năm trước liền kề (02 điểm).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thu ngân sách vượt kế hoạch giao đầu năm từ 10% trở lên (02 điểm).

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm, mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (*tối đa không quá 03 điểm*).

### 2.3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (03 điểm).

- Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học có từ 01 đề tài cấp tỉnh trở lên được nghiệm thu (04 điểm).

- Được tặng cờ thi đua năm trước liền kề (của UBND tỉnh hoặc của các Bộ, ngành Trung ương) thì được cộng 02 điểm. Đơn vị được tặng bằng khen năm trước liền kề được cộng 01 điểm.

### 2.4. Đối với hội

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm (4 điểm).

- Hội được tặng cờ thi đua năm trước liền kề (của UBND tỉnh hoặc hội ngành toàn quốc) thì được cộng 02 điểm. Hội được tặng bằng khen năm trước liền kề được cộng 01 điểm.

- Hội được đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm trước liền kề được cộng thêm 3 điểm.

## 3. Trừ điểm

3.1. Không hoàn thành chương trình, đề án được giao theo quyết định của UBND tỉnh, mỗi chương trình, đề án trừ (02 điểm).

3.2. Thực hiện chương trình, đề án được giao theo quyết định của UBND tỉnh không đúng thời gian thời gian quy định, mỗi chương trình, đề án trừ 01 điểm.

3.3. Tham mưu ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, huỷ bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm.

3.4. Có đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.

3.5. Không tập trung giải quyết khiếu kiện theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu kiện kéo dài, phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.

3.6. Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền trừ 01 điểm.

3.7. Bị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 01 điểm.

3.8. Có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách, trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.

3.9. Không chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; báo cáo chậm so với thời gian quy định do chủ quan, mỗi lần trừ 01 điểm; không có báo cáo, mỗi lần trừ 02 điểm.

3.10. Có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm xếp loại.

### **Điều 6. Xác định kết quả xếp loại**

1. Xếp loại mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ đối với các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội được chia thành 4 mức, cụ thể như sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

1.1. Đạt từ 90 điểm trở lên: Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

1.2. Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm: Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1.3. Đạt từ 50 điểm đến dưới 80 điểm: Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

1.4. Đạt dưới 50 điểm: Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kết quả điểm để xếp loại của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp và hội là tổng điểm sau khi được Hội đồng đánh giá xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

## **Chương III**

### **THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 7. Thẩm quyền đánh giá**

1. UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá, xếp loại các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

2. Các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thành lập Hội đồng đánh giá để đánh giá, xếp loại đối với các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị, tổ chức trực thuộc.

#### **Điều 8. Thành lập Hội đồng đánh giá**

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập và hội. Thành phần Hội đồng đánh giá gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Giám đốc Sở Nội vụ;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh.
- Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

## 1.2. Nhiệm vụ của Hội đồng

- a) Hàng năm hướng dẫn các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội tự đánh giá theo các tiêu chí quy định.
- b) Thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xét duyệt công nhận. xếp loại các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và Hội theo Điều 6 của quy định này.
- c) Giúp UBND tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo tổng kết việc đánh giá các cơ quan, đơn vị.

## 1.3. Thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng

Tổ công tác giúp việc việc Hội đồng đánh giá (gọi tắt là Tổ giúp việc) do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập, thành phần gồm có:

- a) Tổ trưởng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách công tác Cải cách hành chính.
- b) Các Ủy viên: Lãnh đạo và chuyên viên các phòng có liên quan của các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng.

c) Thư ký: Lãnh đạo Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giúp việc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

## 2. Đối với các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập, hội

### 2.1. Thành lập Hội đồng

Thủ trưởng, người đứng đầu sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng đánh giá gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, hội.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các phó giám đốc sở, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội.

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Chánh Văn phòng sở (hoặc tương đương).

- Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong cơ quan.

- Mời: Lãnh đạo đảng ủy (hoặc bí thư chi bộ); trưởng ban thanh tra nhân dân; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội tham gia hội đồng.

- Văn phòng (hoặc tương đương) của sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội là cơ quan thường trực của Hội đồng.

## 2.2. Nhiệm vụ của Hội đồng.

- Căn cứ vào Quy định tại văn bản này, các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập, các hội tiến hành họp, xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện xem xét thẩm định, trình người đứng đầu đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị, cơ quan, tổ chức trực thuộc.

## 3. Đối với UBND cấp huyện

### 3.1. Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần Hội đồng đánh giá cấp huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng HĐND- UBND, phòng tài chính - kế hoạch, phòng tư pháp, phòng văn hóa - thông tin, phòng kinh tế hạ tầng, thanh tra huyện và một số cơ quan có liên quan.

Mời: Thường trực HĐND huyện, lãnh đạo ban tổ chức huyện ủy, ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, liên đoàn lao động cấp huyện tham gia hội đồng.

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

### 3.2. Nhiệm vụ của Hội đồng.

- Căn cứ vào quy định tại văn bản này, UBND cấp huyện tiến hành họp, xem xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện việc xem xét thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị, tổ chức sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

## **Điều 9. Hồ sơ và thời gian thực hiện đánh giá**

### **1. Hồ sơ đánh giá**

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh, để tổng hợp đánh giá phân loại hàng năm.

#### **1.1. Đối với các sở, hồ sơ gồm có:**

- Báo cáo kết quả công tác năm.
- Biên bản họp xét của Hội đồng.
- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các sở theo Điều 4, (Phụ lục 1, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

#### **1.2. Đối với UBND cấp huyện, hồ sơ gồm có:**

- Báo cáo kết quả công tác năm.
- Biên bản họp xét của Hội đồng.
- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện theo Điều 4, (Phụ lục 2, kèm theo Quy định này); báo cáo do thường trực UBND cấp huyện ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

#### **1.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hồ sơ gồm có:**

- Báo cáo kết quả công tác năm.
- Biên bản họp xét của Hội đồng.
- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Điều 4, (Phụ lục 3, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

#### **1.4. Đối với Hội, hồ sơ gồm có:**

- Báo cáo kết quả công tác năm.

- Biên bản họp xét của ban thường vụ, thường trực hội (đối với hội không có ban thường vụ).

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với hội theo Điều 4, (Phụ lục 4 kèm theo Quy định này); báo cáo do người đứng đầu đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

2. Chậm nhất đến ngày 31/12 hàng năm, các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội phải gửi kết quả đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chí quy định tại Điều 4, Chương II, kèm theo phụ lục tương ứng với từng cơ quan, đơn vị về cơ quan thường trực hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ), để thẩm định trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét, đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6 của Quy định này. Việc phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoàn thành trong tháng 01 hàng năm của năm liền kề.

## **Điều 10. Quy trình, trình tự đánh giá và thẩm quyền công nhận**

### **1. Quy trình đánh giá, xếp loại**

1.1. Các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập và hội căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, đối chiếu với tiêu chí đánh giá, thành lập hội đồng cùng cấp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm về xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm theo quy định tại Điều 4, Chương II, kèm theo phụ lục tương ứng với từng cơ quan, đơn vị và tự nhận mức xếp loại theo Điều 6 Quy định này, sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và các văn bản có liên quan lên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Nội vụ).

### **1.2. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng)**

Tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

### **1.3. Tổ giúp việc của Hội đồng**

Kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả thẩm định; tổng hợp báo cáo Hội đồng.

Cơ sở để kiểm tra, rà soát, thẩm định:

+ Báo cáo kết quả tự đánh giá chấm điểm xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Chương II, Quy định này.

+ Hồ sơ tài liệu kiểm chứng, chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định; các văn bản pháp luật; văn bản giao nhiệm vụ, các văn bản liên quan đến kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Hội đồng đánh giá của UBND tỉnh họp, nghe báo cáo kết quả thẩm định của tổ giúp việc, thống nhất kết quả đánh giá, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định xếp loại và công bố kết quả xếp loại.

## 2. Thẩm quyền công nhận

2.1. UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

2.2. Thủ trưởng, người đứng đầu xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

2.3. Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; xếp loại UBND cấp xã.

## **Điều 11. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và giám sát đánh giá.**

1. Các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật thi đua, khen thưởng.

2. Các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm Hội đồng đánh giá cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện những quy định của Quy định này. Đồng thời có biện pháp giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo qui định của Pháp luật.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan**

1. Các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

1.1. Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc quy định này, hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

1.2. Căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tham mưu tổ chức thực hiện các chương trình công tác, đề án và quy trình giải quyết công việc của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; định kỳ

hàng tháng thống kê, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

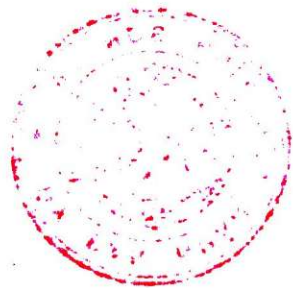
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng tháng thống kê tình hình chấp hành chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm của các sở, UBND cấp huyện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và hội.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cầm Ngọc Minh**



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**  
(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND  
ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở</b>	<b>50</b>	
1	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện tốt công tác triển khai, thông tin, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở.	25	
1.1	Việc tham mưu, tổ chức thực hiện, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	05	
1.2	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; tham mưu đầy đủ, kịp thời cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thuộc chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ngành.	15	
1.3	Thông tin, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành.	05	
2	Tham mưu xây dựng các chương trình, đề án (chương trình, đề án, dự án, phương án, kế hoạch, quy định, quy chế, cơ chế chính sách...) thuộc trách nhiệm tham mưu của ngành và được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định ban hành (hoặc thông qua).	15	
3	Ban hành văn bản chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã và các đơn vị thuộc quyền quản lý.	05	
4	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	05	
<b>II</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính</b>	<b>15</b>	

1	Ban hành các văn bản để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC đúng thời gian quy định.	02	
2	Báo cáo đánh giá việc thực hiện công tác CCHC kịp thời, bám sát những nhiệm vụ đã đặt ra từ đầu năm, thực hiện và đánh giá đúng tình hình thực hiện kế hoạch CCHC đã đặt ra.	03	
3	Những sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ công tác của sở, ngành nhằm đổi mới phương pháp làm việc, cách thức quản lý trong cơ quan, đơn vị đem lại hiệu quả thiết thực.	02	
4	Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, chấp hành đúng quy định của pháp luật về giải quyết TTHC ( <i>đối với các cơ quan, đơn vị không có TTHC hoặc không giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh chấm nửa điểm so với điểm tối đa</i> ); kịp thời sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình giải quyết TTHC cho phù hợp với quy định mới của Chính phủ và các văn bản pháp luật quy định.	03	
5	Báo cáo kịp thời, đầy đủ số liệu, đúng quy định kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng, quý, năm ( <i>Đối với cơ quan, đơn vị không có TTHC chấm nửa điểm so với điểm tối đa</i> )	03	
6	Thực hiện việc rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành, của đơn vị trực thuộc, của huyện, của xã, trình cấp có thẩm quyền ban hành để tổ chức thực hiện. Công bố công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị và trên cổng thông tin điện tử của sở, ngành ( <i>Đối với cơ quan, đơn vị không có TTHC chấm nửa điểm so với điểm tối đa</i> )	02	
<b>III</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác Thanh tra, kiểm tra và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>	<b>08</b>	
1	Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong năm. Thực hiện công tác kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả thực hiện.	02	
2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định.	01	
3	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	01	
4	Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật (tính theo tỷ lệ đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định của pháp luật trên tổng số	02	

	đơn, thư trong năm). Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.		
5	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định.	02	
<b>IV</b>	<b>Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị</b>	<b>15</b>	
1	Kiểm toàn tổ chức bộ máy; quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư – lưu trữ; công tác thi đua – khen thưởng đúng quy định.	03	
2	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	02	
3	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công.	02	
4	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; theo dõi thi hành pháp luật.	03	
5	Thực hiện công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở.	02	
6	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của sở; áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.	03	
<b>V</b>	<b>Thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả sự phối hợp với các sở liên quan và UBND cấp huyện</b>	<b>02</b>	
	<b>CỘNG</b>	<b>90</b>	
<b>VI</b>	<b>Điểm thưởng:</b>	<b>10</b>	
1	Kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm trước liền kề được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	03	
2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng đạt cờ thi đua của năm trước liền kề.	03	
3	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm. mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (tối đa không quá 4 điểm).	04	

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND  
ngày 03/ 10/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại trên địa bàn cấp huyện theo các chỉ tiêu được Nghị quyết của HĐND cấp huyện phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh</b>	<b>50</b>	
1	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện do HĐND huyện, thành phố thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt.	10	
2	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của huyện do HĐND huyện, thành phố thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt.	10	
3	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh của huyện do HĐND huyện, thành phố thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt.	10	
4	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	10	
5	Tỷ lệ giải ngân thanh toán các nguồn vốn trong kế hoạch được giao.	05	
6	Thực hiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố.	05	
<b>II</b>	<b>Kết quả tổ chức triển khai nhiệm vụ công tác CCHC</b>	<b>15</b>	
1	Ban hành kế hoạch CCHC và các văn bản để tổ chức, thực hiện nhiệm vụ CCHC đúng thời gian quy định.	02	
2	Báo cáo đánh giá việc thực hiện công tác CCHC kịp thời, bám sát những nhiệm vụ đã đặt ra từ đầu năm, thực hiện và đánh giá đúng tình hình thực hiện kế hoạch CCHC đã đặt ra.	03	

3	Những sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ công tác của huyện nhằm đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn cấp huyện đem lại hiệu quả thiết thực.	02	
4	Quán triệt, hướng dẫn, phổ biến, thông tin, tuyên truyền các văn bản mới của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.	01	
5	Thực hiện đúng quy định việc giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại văn phòng HĐND-UBND cấp huyện; báo cáo kịp thời kết quả giải quyết TTHC hàng tháng, quý, năm theo quy định cho các cơ quan có thẩm quyền.	02	
6	Thực hiện việc rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã, trình cấp có thẩm quyền ban hành để tổ chức thực hiện. Công bố công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị và trên cổng thông tin điện tử của cấp huyện.	02	
7	Thường xuyên kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của UBND cấp xã. Theo dõi báo cáo đầy đủ kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các xã, phường, thị trấn hàng tháng, hàng quý, năm với cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định.	03	
<b>III</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>	<b>08</b>	
1	Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định. Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm. Thực hiện công tác kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	02	
2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định.	01	
3	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định.	01	
4	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật (tính theo tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định của pháp luật trên tổng số đơn, thư trong năm). Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.	02	
5	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị,	02	

	phản ánh đúng thời gian quy định.		
<b>IV</b>	<b>Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị.</b>	<b>17</b>	
1	Thực hiện tốt việc kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc; quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư – lưu trữ; công tác thi đua – khen thưởng đúng quy định.	03	
2	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	03	
3	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công tại các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp.	03	
4	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; theo dõi thi hành pháp luật.	03	
5	Thực hiện công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở.	02	
6	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ, chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện; áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.	03	
	<b>CỘNG</b>	<b>90</b>	
<b>V</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>10</b>	
1	Kết quả đánh giá chỉ số CCHC năm trước liền kề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá thông qua các thành được cấp có thẩm quyền công nhận, khen thưởng của năm trước liền kề.	03	
2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng đạt cờ thi đua của năm trước liền kề.	02	
3	Thu ngân sách vượt kế hoạch giao đầu năm từ 10% trở lên.	02	
4	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm. Mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (tối đa không quá 3 điểm).	03	

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**  
**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND*  
*ngày 03/ 10/2017 của UBND tỉnh Sơn La)*

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước</b>	<b>50</b>	
1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	10	
1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.	05	
1.2	Thực hiện và hoàn thành kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm.	05	
2	Xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm về thực hiện nhiệm vụ	20	
2.1	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập từng thời kỳ, giai đoạn.	10	
2.2	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.	10	
3	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao ngoài nhiệm vụ thường xuyên <i>(tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm)</i> .	10	
4	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên; các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công.	05	
5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán. <i>(Có báo cáo chuyên đề)</i> .	05	
<b>II</b>	<b>Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>	<b>05</b>	
1	Tổ chức việc tự kiểm tra theo quy định của pháp luật; thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	03	

2	Giải quyết đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền được giao (tính theo tỷ lệ đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định của pháp luật trên tổng số đơn trong năm). Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính điểm tối đa.	02	
<b>III</b>	<b>Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng đơn vị và thực hiện công tác CCHC tại đơn vị</b>	<b>30</b>	
1	Thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị như: Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.	07	
2	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng đúng quy định của pháp luật, của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.	07	
3	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	03	
4	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định.	03	
5	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.	02	
6	Thực hiện quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở.	02	
7	Những sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị nhằm đổi mới phương pháp làm việc, cách thức quản lý trong cơ quan, đơn vị đem lại hiệu quả thiết thực.	03	
8	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ.	03	
<b>V</b>	<b>Thực hiện sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan</b>	<b>05</b>	
1	Thực hiện tốt sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan trong các hoạt động phục vụ	05	

	quản lý nhà nước.		
	<b>CỘNG</b>	<b>90</b>	
<b>VI</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>10</b>	
1	Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	03	
2	Các đơn vị sự nghiệp công lập có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học có từ 01 đề tài cấp tỉnh trở lên được nghiệm thu.	04	
3	Được tặng cờ thi đua năm trước liền kề (của UBND tỉnh hoặc của các Bộ, ngành Trung ương) thì được cộng 02 điểm. Đơn vị được tặng bằng khen năm trước liền kề được cộng 01 điểm.	03	

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM  
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI**  
(Kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND  
ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kết quả thực hiện vụ và quyền hạn của hội</b>	<b>40</b>	
1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, điều lệ hội, phương hướng phát triển về lĩnh vực hội hoạt động.	05	
2	Thực hiện việc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng công khai, minh bạch trong tổ chức hội.	10	
3	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức và hoạt động phù hợp với lĩnh vực hoạt động của tổ chức hội.	10	
4	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch của hội hàng năm.	10	
5	Thực hiện các nhiệm vụ do sở, ngành quản lý hội, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh, Tỉnh ủy giao ngoài nhiệm vụ thường xuyên của hội.	05	
<b>II</b>	<b>Thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chế độ thông tin báo cáo</b>	<b>15</b>	
1	Thực hiện nghiêm túc, chấp hành đầy đủ các chế độ thông tin báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước theo đúng thời gian quy định.	05	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của hội. (Mức độ hoạt động của Website, mức độ ứng dụng phần mềm trong quản lý hoạt động của hội ...)	05	
3	Những giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ hoạt động của hội nhằm đổi mới phương pháp làm việc, cách thức quản lý trong tổ chức hoạt động hội mang lại hiệu quả thiết thực.	05	
<b>III</b>	<b>Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo</b>	<b>05</b>	
1	Giải quyết đúng quy định của pháp luật về đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của hội (tính theo tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết	05	

	đúng quy định của pháp luật trên tổng số đơn, thư trong năm). Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo được tính điểm tối đa).		
<b>IV</b>	<b>Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động hội</b>	<b>20</b>	
1	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng người làm việc đúng quy định của pháp luật, của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cho người làm việc đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ của hội; công tác Văn thư - Lưu trữ; công tác Thi đua - Khen thưởng theo đúng quy định.	08	
2	Thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội; quy chế dân chủ.	03	
3	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ hội; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	03	
4	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công tại hội.	03	
5	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.	03	
<b>V</b>	<b>Thực hiện sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động</b>	<b>10</b>	
	<b>CỘNG</b>	<b>90</b>	
<b>VI</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>10</b>	
1	Có đề tài, dự án Khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm.	04	
2	Hội được tặng cờ thi đua năm trước liền kề (của UBND tỉnh hoặc Hội ngành toàn quốc) thì được cộng 02 điểm. Hội được tặng bằng khen năm trước liền kề được cộng 01 điểm.	03	
3	Hội được đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm trước liền kề được cộng thêm.	03	